PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/2014/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý hoạt động của cảng cạn

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành Quy chế quản lý hoạt động của cảng cạn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động của cảng cạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý hoạt động của cảng cạn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chi tiết về quản lý hoạt động của cảng cạn tại Việt Nam bao gồm đầu tư, khai thác, kinh doanh dịch vụ và thực hiện các thủ tục xuất, nhập khẩu hàng hóa tại cảng cạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của cảng cạn tại Việt Nam.

Điều 3. Áp dụng pháp luật

Khi hoạt động tại cảng cạn, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải chấp hành các quy định tại Quy chế này, các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cảng cạn là một bộ phận thuộc kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, là đầu mối tổ chức vận tải gắn liền với hoạt động của cảng biển, cảng hàng không quốc tế, cảng đường thủy nội địa quốc tế, cửa khẩu đường bộ quốc tế, đồng thời có chức năng là cửa khẩu đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu.

2. Hải quan cảng cạn là tổ chức hải quan hoạt động thường trực tại cảng cạn.

3. Khu vực kiểm soát là nơi trực tiếp kiểm tra, kiểm soát việc vào, rời cảng cạn của người, phương tiện và hàng hóa.

4. Khu vực văn phòng điều hành là nơi tập trung các hoạt động hành chính, điều hành và giao dịch của các bên liên quan tại cảng cạn.

5. Chủ đầu tư là người đầu tư xây dựng cảng cạn.

6. Doanh nghiệp khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn (gọi tắt là cảng cạn) là chủ đầu tư hoặc người được chủ đầu tư ủy quyền hoặc cho thuê quản lý khai thác cảng cạn.

Điều 5. Nội dung quản lý nhà nước về cảng cạn

1. Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về cảng cạn; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật liên quan đến cảng cạn.

2. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch phát triển cảng cạn.

3. Hoàn thiện cơ chế chính sách tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng trong đầu tư xây dựng, kinh doanh khai thác cảng cạn.

4. Ký kết, gia nhập và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến cảng cạn theo quy định của pháp luật.

5. Công bố mở, đóng cảng cạn.

6. Tổ chức quản lý đầu tư xây dựng và khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn.

7. Tổ chức quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của người, phương tiện và hàng hóa tại cảng cạn (kiểm tra hàng hóa, làm thủ tục hải quan, kiểm dịch, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, phòng, chống cháy, nổ...).

8. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về cảng cạn

1. Bộ Giao thông vận tải là đầu mối giúp Chính phủ tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về cảng cạn, điều phối hoạt động liên ngành và hướng dẫn thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động của cảng cạn.

2. Bộ Tài chính tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về hải quan tại cảng cạn theo quy định của pháp luật.

3. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động tại cảng cạn.

Điều 7. Vị trí, chức năng cảng cạn

1. Vị trí cảng cạn

a) Cảng cạn được hình thành trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế của vùng có khối lượng hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu bằng container lớn (trên 50.000 TEU/năm) hoặc tại nơi có các cửa khẩu quốc tế có nhu cầu trung chuyển hàng hóa, các khu vực thường bị ùn tắc giao thông do phương tiện vận tải hàng hóa gây nên (trên 30.000 TEU/năm);

b) Vị trí của cảng cạn phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Phải phù hợp với quy hoạch hệ thống cảng cạn đã được phê duyệt;

- Gắn với các hành lang vận tải chính (trục giao thông quốc gia, quốc tế) kết nối tới cảng biển phục vụ phát triển kinh tế vùng;

- Phải có ít nhất 2 phương thức vận tải để tạo điều kiện tổ chức vận tải đa phương thức hoặc kết nối trực tiếp với một phương thức vận tải có năng lực cao;

- Đảm bảo đủ diện tích để bố trí nơi làm việc cho các cơ quan, tổ chức hữu quan và đảm bảo đủ quỹ đất để đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài;

- Đảm bảo các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và các yêu cầu về quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật.

2. Chức năng của cảng cạn

a) Nhận và gửi hàng hóa được vận chuyển bằng container;

b) Đóng hàng vào và dỡ hàng ra khỏi container;

c) Vận chuyển hàng container từ cảng cạn đến cảng biển và ngược lại;

d) Kiểm tra và hoàn tất thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu;

đ) Gom và chia hàng lẻ đối với hàng có nhiều chủ trong cùng container;

e) Kho, bãi tạm chứa hàng xuất, nhập khẩu và container rỗng;

g) Sửa chữa và bảo dưỡng container;

h) Các chức năng khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các dịch vụ tại cảng cạn

Tùy theo quy mô và năng lực tổ chức quản lý khai thác của doanh nghiệp khai thác cảng cạn, dịch vụ cảng cạn có thể bao gồm các loại hình sau:

1. Các dịch vụ hỗ trợ vận tải:

a) Dịch vụ bốc xếp, bao gồm bốc xếp container và bốc xếp hàng hóa;

b) Dịch vụ lưu kho, lưu bãi;

c) Dịch vụ giao nhận;

d) Dịch vụ đại lý vận tải;

đ) Dịch vụ làm thủ tục hải quan;

e) Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;

g) Dịch vụ gia cố, sửa chữa, vệ sinh container;

h) Dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Các dịch vụ vận tải:

a) Dịch vụ vận tải đường bộ;

b) Dịch vụ vận tải đường sắt;

c) Dịch vụ vận tải đường thủy nội địa;

d) Dịch vụ vận tải đa phương thức;

đ) Dịch vụ trung chuyển hàng hóa.

3. Các dịch vụ gia tăng giá trị hàng hóa: Đóng gói, phân chia, đóng gói lại, phân loại, dán nhãn, gia công, lắp ráp, kiểm định và các dịch vụ giá trị gia tăng khác.

4. Các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Kết cấu hạ tầng cảng cạn

1. Kết cấu hạ tầng cảng cạn là cơ sở vật chất kỹ thuật của cảng cạn được sử dụng để thực hiện các chức năng của cảng cạn, cung cấp các dịch vụ tại cảng cạn, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và hội nhập quốc tế.

2. Kết cấu hạ tầng cảng cạn bao gồm công trình chủ yếu sau:

a) Hệ thống kho, bãi hàng hóa đảm bảo yêu cầu thông qua lượng hàng hóa theo công suất thiết kế của cảng cạn, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định;

b) Các hạng mục công trình đảm bảo an ninh trật tự tại cảng cạn và kiểm soát người, hàng hóa, phương tiện vào, rời cảng cạn như cổng, tường rào, thiết bị soi, chiếu, trang thiết bị giám sát, kiểm soát, thanh tra và lưu giữ của hải quan...;

c) Bãi đỗ xe cho các phương tiện vận tải, trang thiết bị bốc xếp hàng hóa và các phương tiện khác hoạt động tại cảng cạn;

d) Đường giao thông nội bộ và giao thông kết nối với hệ thống giao thông vận tải công cộng;

đ) Ga đường sắt hoặc cảng, bến thủy nội địa;

e) Khu văn phòng bao gồm nhà điều hành, văn phòng làm việc cho các cơ quan liên quan như hải quan, kiểm dịch, tài chính, ngân hàng cùng cơ sở hạ tầng khác (hệ thống cấp điện, cấp, thoát nước, thông tin liên lạc...).

Chương II
QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, KHAI THÁC CẢNG CẠN

Mục 1
QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG CẠN

Điều 10. Nguyên tắc đầu tư xây dựng cảng cạn

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài đầu tư xây dựng cảng cạn phải tuân theo quy hoạch phát triển cảng cạn được duyệt, quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Kết cấu hạ tầng cảng cạn được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước được cho thuê khai thác theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

3. Khuyến khích các doanh nghiệp khai thác cảng biển quốc tế, vận tải biển quốc tế, vận tải đa phương thức quốc tế, vận tải đường sắt, vận tải đường thủy nội địa,

vận tải hàng không dân dụng và các doanh nghiệp khác có đủ năng lực tham gia đầu tư xây dựng và khai thác cảng cạn.

Điều 11. Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch cảng cạn

1. Lập, phê duyệt và quản lý thực hiện quy hoạch cảng cạn phải được thực hiện theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

a) Lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng cạn hoặc kiến nghị điều chỉnh quy hoạch tổng thể đã được phê duyệt;

b) Phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch chi tiết phát triển cảng cạn theo quy định;

c) Công bố công khai và tổ chức hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt.

3. Trách nhiệm của các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải tổ chức quản lý thực hiện quy hoạch cảng cạn theo quy định của Quy chế này và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

b) Bảo đảm quỹ đất để xây dựng phát triển cảng cạn theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 12. Quy hoạch chi tiết phát triển cảng cạn

1. Quy hoạch chi tiết phát triển cảng cạn phải tuân theo quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng cạn đã được phê duyệt.

2. Quy hoạch chi tiết phát triển cảng cạn nhằm mục đích xác định vị trí, quy mô cảng cạn, vai trò, chức năng cảng cạn, các phương thức kết nối giao thông của cảng cạn với hệ thống giao thông quốc gia, đáp ứng các điều kiện hoạt động và phát triển cảng cạn trong dài hạn.

3. Nội dung quy hoạch chi tiết phát triển cảng cạn

a) Vị trí của cảng cạn;

b) Vai trò, chức năng của cảng cạn;

c) Quy mô của cảng cạn;

d) Công suất của cảng cạn;

đ) Phương án kết nối hạ tầng giao thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

Điều 13. Quy hoạch chi tiết xây dựng cảng cạn

Trên cơ sở quy hoạch chi tiết phát triển cảng cạn được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng cảng cạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Kết nối giao thông cảng cạn

1. Kết nối giao thông cảng cạn phải gắn liền với khả năng tổ chức khai thác hiệu quả, sử dụng hợp lý các phương thức vận tải kết nối.

2. Việc thực hiện kết nối cảng cạn với các phương thức vận tải phải tuân theo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ, sử dụng và khai thác kết cấu hạ tầng của phương thức vận tải đó.

Điều 15. Trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng cảng cạn

1. Trong quá trình chuẩn bị đầu tư, ngoài việc thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực) qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ Giao thông vận tải.

Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị được đầu tư xây dựng cảng cạn, trong đó nêu rõ vị trí, vai trò, chức năng, quy mô, công suất và các phương thức kết nối giao thông của cảng cạn;

b) Thuyết minh dự án đầu tư xây dựng cảng cạn được lập theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, trong đó xác định cụ thể các nội dung liên quan đến cảng cạn quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

c) Bản vẽ tổng thể thể hiện vị trí cảng cạn, các phương thức kết nối, phương án bố trí mặt bằng cảng cạn.

2. Bộ Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận xây dựng cảng cạn; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải về việc đầu tư xây dựng cảng cạn, nếu dự án đầu tư xây dựng cảng cạn không được triển khai thực hiện đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng thì văn bản chấp thuận xây dựng cảng cạn hết hiệu lực.

Mục 2
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CÔNG BỐ MỞ, ĐÓNG CẢNG CẠN

Điều 16. Điều kiện công bố mở cảng cạn

1. Kết cấu hạ tầng cảng cạn đã được đầu tư xây dựng và nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định.

2. Chủ đầu tư có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Quy chế này.

Điều 17. Thẩm quyền công bố mở, đóng cảng cạn

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố mở, đóng cảng cạn.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thành lập hoạt động địa điểm thông quan tại cảng cạn đã được công bố mở, chấm dứt hoạt động địa điểm thông quan tại cảng cạn đã được công bố đóng theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trình tự, thủ tục công bố mở cảng cạn

1. Sau khi hoàn thành việc xây dựng cảng cạn, chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị công bố mở cảng cạn;

b) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cảng cạn của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

c) Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất (Bản sao có chứng thực);

d) Biên bản nghiệm thu đưa công trình cảng vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công các hạng mục kết cấu hạ tầng cảng cạn (Bản chính);

đ) Các giấy tờ chứng nhận đảm bảo điều kiện về phòng, chống cháy, nổ, phòng, ngừa ô nhiễm môi trường của cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

2. Bộ Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ; nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Quy chế này, Bộ Giao thông vận tải quyết định công bố mở cảng cạn; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 19. Các trường hợp đóng cảng cạn

1. Vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc các lý do đặc biệt khác.

2. Cảng cạn không còn đủ điều kiện hoạt động theo quy định theo đánh giá của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến quản lý hoạt động của cảng cạn.

3. Theo đề nghị của chủ đầu tư.

Điều 20. Thủ tục công bố đóng cảng cạn

1. Thủ tục công bố đóng cảng cạn quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Quy chế này:

a) Trường hợp khẩn cấp, Bộ Giao thông vận tải quyết định đóng cảng cạn và báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

b) Các trường hợp khác, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công bố đóng cảng cạn, Bộ Giao thông vận tải tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan hữu quan về việc đóng cảng cạn và công bố đóng cảng cạn; trường hợp không đồng ý phải có văn bản nêu rõ lý do.

2. Thủ tục công bố đóng cảng cạn quy định tại Khoản 2, 3 Điều 19 của Quy chế này:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Giao thông vận tải văn bản đề nghị công bố đóng cảng cạn;

b) Bộ Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản, kiểm tra tính phù hợp của văn bản, cấp giấy biên nhận và hẹn ngày trả kết quả (nếu nhận hồ sơ trực tiếp);

c) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

d) Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Giao thông vận tải tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan hữu quan về việc đóng cảng cạn và quyết định công bố đóng cảng cạn và gửi cho người đề nghị đóng cảng cạn thông qua hệ thống bưu chính hoặc người đề nghị đóng cảng cạn đến nhận trực tiếp tại Bộ Giao thông vận tải; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

Mục 3
QUẢN LÝ KHAI THÁC CẢNG CẠN

Điều 21. Nguyên tắc quản lý, khai thác cảng cạn

1. Chủ đầu tư cảng cạn quyết định hình thức và phương án khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn.

2. Kết cấu hạ tầng cảng cạn được đầu tư bằng nguồn vốn của Nhà nước được cho thuê khai thác theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

3. Doanh nghiệp khai thác cảng cạn được ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về việc cung cấp các dịch vụ tại cảng cạn phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 22. Quản lý khai thác dịch vụ vận tải kết nối với cảng cạn

Doanh nghiệp khai thác cảng cạn tự tổ chức khai thác hoặc ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân để cung cấp dịch vụ vận tải kết nối với cảng cạn theo các quy định của pháp luật.

Điều 23. Giao thông trong khu vực cảng cạn

1. Kết nối giao thông giữa cảng cạn với giao thông ngoài khu vực cảng phải đảm bảo đồng bộ, thuận tiện và an toàn.

2. Giao thông trong khu vực cảng cạn phải thuận tiện, bảo đảm an toàn cho hoạt động của người, phương tiện và hàng hóa vào, rời cảng cạn.

3. Cổng ra, vào khu vực cảng cạn của các phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt phải được bố trí riêng.

4. Trong khu vực cảng cạn và vùng phụ cận phải lắp đặt biển báo rõ ràng theo đúng quy chuẩn kỹ thuật tại các khu tác nghiệp hàng hóa, các vị trí cần thiết, nơi để các trang thiết bị phòng, chống cháy nổ, cửa ra vào và các vị trí khác liên quan đến hoạt động của người, phương tiện, trang thiết bị và hàng hóa.

Mục 4
QUẢN LÝ KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG CẢNG CẠN ĐƯỢC ĐẦU TƯ BẰNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 24. Nguyên tắc quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn

Kết cấu hạ tầng cảng cạn đầu tư bằng vốn nhà nước được cho thuê khai thác từng phần hoặc toàn bộ. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn đầu tư bằng vốn nhà nước được thực hiện cho thuê khai thác theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan của pháp luật về đấu thầu.

Điều 25. Thẩm quyền quyết định phương án cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn

Cơ quan quyết định đầu tư xây dựng cảng cạn là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cho thuê khai thác và phê duyệt kết quả lựa chọn bên thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn.

Điều 26. Phương án cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn

1. Người cho thuê có trách nhiệm lập phương án cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn. Nội dung chính của phương án bao gồm:

a) Tên tổ chức cho thuê;

b) Danh mục và đặc tính kỹ thuật tài sản cho thuê;

c) Giá trị tài sản cho thuê;

d) Thời hạn cho thuê;

đ) Giá cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn trình cơ quan có thẩm quyền quyết định;

e) Điều kiện cho thuê;

g) Khả năng thu hồi vốn đầu tư;

h) Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của bên thuê và bên cho thuê;

i) Hình thức lựa chọn bên thuê;

k) Hình thức hợp đồng;

l) Thời gian tổ chức lựa chọn bên thuê khai thác.

2. Đối với kết cấu hạ tầng cảng cạn đang được đầu tư xây dựng, trước khi đưa vào sử dụng, người cho thuê phải lập phương án cho thuê, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

Điều 27. Giá cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn

1. Giá cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định giá cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư hoặc cơ quan phê duyệt phương án cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn.

2. Giá cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn phải được cơ quan quyết định đầu tư cảng cạn đó phê duyệt nhưng không được thấp hơn giá đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

3. Giá cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn được xác định trên cơ sở các nội dung chính sau đây:

a) Giá thu cố định là giá tính trên cơ sở tỷ lệ khấu hao tài sản hàng năm, tiền trả nợ vay và lãi vay (nếu có), chi phí phục vụ quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn cho thuê và các chi phí khác theo quy định. Thời gian sử dụng kết cấu hạ tầng cảng cạn để tính giá cho thuê tối đa là 30 năm. Giá cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng không thấp hơn giá thu cố định;

b) Giá thu thay đổi là giá thu theo tỷ lệ phần trăm (%) của doanh thu khai thác tài sản cho thuê hàng năm;

c) Giá trị tài sản cho thuê;

d) Đặc tính kỹ thuật tài sản cho thuê;

đ) Điều kiện cho thuê;

e) Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên;

g) Các điều kiện cần thiết khác.

4. Bên cho thuê kết cấu hạ tầng cảng cạn có trách nhiệm trình cơ quan quyết định đầu tư cảng cạn xem xét, phê duyệt việc điều chỉnh giá cho thuê trong các trường hợp sau đây:

a) Định kỳ 05 năm một lần;

b) Khi tỷ lệ lạm phát của Việt Nam trên 15%/năm;

c) Các trường hợp khác do bên cho thuê hoặc bên thuê đề xuất và được cơ quan quyết định đầu tư chấp thuận.

Điều 28. Điều kiện lựa chọn bên thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn

Bên thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật.

2. Có kinh nghiệm quản lý khai thác cảng cạn.

3. Có năng lực về tài chính.

4. Có đủ nhân lực để quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn sẽ thuê.

5. Có phương án khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn hiệu quả cao nhất.

6. Có giá thuê cao nhất và không thấp hơn giá cho thuê trong phương án cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn đã được phê duyệt.

Điều 29. Hình thức lựa chọn bên thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn

1. Hình thức, trình tự, thủ tục lựa chọn bên thuê thực hiện theo quy định tại Quy chế này và các quy định có liên quan của pháp luật về đấu thầu.

2. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành mẫu các hồ sơ về đấu thầu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn được đầu tư bằng vốn nhà nước.

Điều 30. Hợp đồng cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn

1. Việc cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn phải được thực hiện theo hợp đồng do hai bên thỏa thuận ký kết. Hợp đồng cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn phải được xây dựng trên cơ sở kết quả lựa chọn bên thuê đã được phê duyệt và phù hợp với các quy định liên quan của pháp luật.

2. Hợp đồng cho thuê bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tên, địa chỉ, số tài khoản của bên cho thuê;

b) Tên, địa chỉ, số tài khoản bên thuê;

c) Thời hạn cho thuê;

d) Giá cho thuê và điều kiện, phương thức thanh toán;

đ) Quyền và nghĩa vụ của bên cho thuê và bên thuê;

e) Danh mục tài sản cho thuê;

g) Điều kiện, trình tự điều chỉnh hợp đồng cho thuê;

h) Giải quyết tranh chấp.

Điều 31. Sử dụng nguồn thu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn

1. Nguồn thu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn được ưu tiên sử dụng vào các mục đích, chi phí sau đây:

a) Duy tu, sửa chữa kết cấu hạ tầng cảng cạn là tài sản cho thuê thuộc trách nhiệm của bên cho thuê;

b) Nâng cấp, cải tạo, mở rộng kết cấu hạ tầng cảng cạn;

c) Đầu tư xây dựng mới cảng cạn;

d) Chi phí lập phương án và tổ chức lựa chọn bên thuê;

đ) Chi phí của bên cho thuê trong hoạt động quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn;

e) Các mục đích và chi phí hợp lý khác.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về cơ chế tài chính thu, nộp và sử dụng nguồn thu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn được đầu tư bằng vốn nhà nước.

Điều 32. Cho thuê lại kết cấu hạ tầng cảng cạn

1. Bên thuê có quyền cho tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài thuê lại một phần kết cấu hạ tầng cảng cạn đã thuê theo quy định tại Quy chế này và phải được sự chấp thuận bằng văn bản của bên cho thuê trước khi tiến hành cho thuê lại.

2. Việc cho thuê lại kết cấu hạ tầng cảng cạn được thực hiện thông qua hợp đồng. Hợp đồng cho thuê lại kết cấu hạ tầng cảng cạn phải bảo đảm nguyên tắc không trái với nội dung của hợp đồng thuê đã ký với bên cho thuê.

3. Bên thuê phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước bên cho thuê về việc cho thuê lại của mình.

4. Bên thuê lại kết cấu hạ tầng cảng cạn có trách nhiệm quản lý khai thác cảng cạn theo quy định của pháp luật, hợp đồng thuê và không được tiếp tục cho thuê lại kết cấu hạ tầng cảng cạn đó.

Điều 33. Tổ chức quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn

1. Cơ quan quyết định đầu tư xây dựng cảng cạn có trách nhiệm tổ chức quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn.

2. Cơ quan, tổ chức được giao quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng cơ chế quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt và tổ chức thực hiện;

b) Quản lý tài sản nhà nước và giám sát các hoạt động khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn cho thuê;

c) Giám sát việc thực hiện hợp đồng cho thuê khai thác;

d) Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn thường xuyên và định kỳ nhằm bảo đảm sử dụng kết cấu hạ tầng cảng cạn đúng chức năng, đặc tính kỹ thuật theo quy định;

đ) Tổ chức thu tiền cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn;

e) Yêu cầu bên thuê tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật khai thác, duy tu bảo dưỡng và sử dụng kết cấu hạ tầng cảng cạn theo quy định; trường hợp bên thuê không tuân thủ, báo cáo chủ đầu tư để giải quyết;

g) Phối hợp với bên khai thác xử lý những trường hợp xảy ra sự cố gây hư hỏng đối với kết cấu hạ tầng cảng cạn; tổ chức giám sát việc sửa chữa, khắc phục tình trạng hư hỏng kết cấu hạ tầng cảng cạn trong phạm vi quản lý;

h) Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khi phát hiện kết cấu hạ tầng kết nối với cảng cạn không bảo đảm theo chuẩn tắc kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

i) Tiếp nhận và đề xuất phương án thiết kế, xây dựng, cải tạo, mở rộng, nâng cấp phát triển kết cấu hạ tầng cảng cạn khi có yêu cầu của bên thuê hoặc theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

k) Giám sát việc bảo đảm công tác phòng, chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và an toàn lao động trong phạm vi cảng cạn;

l) Tổng hợp tình hình khai thác kết cấu hạ tầng cảng cạn; định kỳ báo cáo chủ đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định;

m) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

Chương III
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CẢNG CẠN VÀ QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC TẠI CẢNG CẠN

Mục 1
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CẢNG CẠN

Điều 34. Nội quy cảng cạn

1. Chủ đầu tư cảng cạn hoặc doanh nghiệp quản lý khai thác cảng cạn căn cứ quy định của pháp luật có liên quan, các quy định tại Quy chế này và điều kiện đặc thù tại cảng cạn để ban hành "Nội quy cảng cạn" nhằm mục đích bảo đảm hiệu quả khai thác chung, đảm bảo an toàn, an ninh, phòng, chống cháy, nổ; chống buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế và bảo vệ môi trường trong hoạt động tại cảng cạn.

2. Tổ chức, cá nhân khi hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại cảng cạn có trách nhiệm chấp hành "Nội quy cảng cạn".

Điều 35. Quy định về hàng hóa, phương tiện tại cảng cạn

Hàng hóa, phương tiện và các hoạt động liên quan đến hàng hóa, phương tiện tại cảng cạn phải tuân theo Nội quy cảng cạn và các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 36. Quy định về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn, phòng, chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại cảng cạn

1. Doanh nghiệp khai thác cảng cạn và các tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng cạn phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn, phòng, chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

2. Trong quá trình hoạt động, nếu phát hiện thấy những dấu hiệu vi phạm quy định về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy, nổ, các cá nhân, tổ chức liên quan có trách nhiệm thông báo cho cơ quan chức năng có thẩm quyền và người quản lý khai thác cảng cạn biết, xử lý.

3. Khi nhận được thông tin về những dấu hiệu vi phạm được nêu tại Khoản 2 Điều này, người quản lý khai thác cảng cạn phải đình chỉ ngay hoạt động khai thác để xử lý theo quy định.

Mục 2
QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC TẠI CẢNG CẠN

Điều 37. Trách nhiệm và quyền hạn của doanh nghiệp khai thác cảng cạn

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp khai thác cảng cạn

a) Điều hành hoạt động của cảng cạn theo quy định của Quy chế này và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

b) Tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền duy trì nghiêm các quy định có liên quan đến người, hàng hóa và phương tiện ra vào hoạt động tại khu vực cảng cạn;

d) Ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế và các hành vi trái pháp luật khác;

đ) Định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình hoạt động của khu vực cảng cạn hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

e) Khi có thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc sự cố bất thường xảy ra, doanh nghiệp khai thác cảng cạn chủ trì tổ chức huy động nguồn lực, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức cứu người, hàng hoá, phương tiện, loại trừ và khắc phục sự cố; đồng thời tiến hành các thủ tục và biện pháp pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật.

2. Quyền hạn của doanh nghiệp khai thác cảng cạn

a) Ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về việc sử dụng trang thiết bị và khai thác kết cấu hạ tầng trong khu vực cảng cạn với những điều kiện và thời hạn cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Chấm dứt hợp đồng đã ký kết hoặc đình chỉ các hoạt động trong khu vực cảng cạn đối với các trường hợp có đủ bằng chứng về việc vi phạm của tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của Quy chế này hoặc để ngăn chặn kịp thời các nguy cơ có thể gây mất an toàn, an ninh, ô nhiễm môi trường hoặc sức khỏe của cộng đồng;

c) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình quản lý, khai thác khu vực cảng cạn.

Điều 38. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng cạn

1. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng cạn gồm Hải quan, Kiểm dịch y tế, Kiểm dịch động vật, Kiểm dịch thực vật và các cơ quan chức năng liên quan khác có trách nhiệm:

a) Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Bộ, ngành mình theo quy định của pháp luật; không được gây phiền hà, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp khai thác cảng cạn, chủ phương tiện, chủ hàng và các tổ chức, cá nhân khác hoạt động trong khu vực cảng cạn;

b) Tùy theo nhu cầu thực tế, bố trí nhân sự thường trực hoặc không thường trực trong khu vực cảng cạn để đảm bảo thực hiện các thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu, trung chuyển, kiểm dịch y tế và các thủ tục khác đối với hàng hóa thông qua khu vực cảng cạn một cách nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định.

2. Các Bộ, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức trực thuộc triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 39. Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng cạn

1. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng cạn có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhau khi thi hành nhiệm vụ nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp khai thác cảng cạn, chủ phương tiện, chủ hàng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan, đảm bảo cho các hoạt động tại cảng cạn an toàn và hiệu quả.

2. Các vướng mắc phát sinh liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác đều phải được trao đổi thống nhất để giải quyết kịp thời. Trong trường hợp có vướng mắc phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành nào thì cơ quan đó phải kịp thời báo cáo cơ quan quản lý cấp trên của mình để giải quyết ngay; khi cần thiết, các Bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giao thông vận tải để giải quyết nhưng chậm nhất là sau 04 giờ, kể từ khi nhận được báo cáo phải thông báo quyết định xử lý của mình cho cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan biết.

3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan khác tại khu vực để tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật đối với hoạt động tại cảng cạn.

Điều 40. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức công bố, hướng dẫn và triển khai thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh cần xử lý vượt thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Chủ đầu tư của các địa điểm đang thực hiện hoạt động thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu nhưng có thực hiện các dịch vụ thuộc chức năng của cảng cạn, trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành phải thực hiện bổ sung đầy đủ các điều kiện, thủ tục để được công bố cảng cạn theo quy định tại Quy chế này. Sau thời hạn trên, nếu không đủ điều kiện để được công bố cảng cạn phải dừng thực hiện các dịch vụ thuộc chức năng của cảng cạn.

3. Trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư về việc công bố mở cảng cạn đối với các địa điểm thông quan quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá các điều kiện cụ thể của địa điểm thông quan để quyết định công bố mở cảng cạn theo quy định tại Quy chế này.

4. Bộ Tài chính rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý hoạt động của các điểm thông quan đảm bảo các điểm thông quan được bố trí hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp.

5. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan sơ kết, đánh giá kết quả sau 05 năm thực hiện Quy chế này; đề xuất hoàn thiện khung pháp lý về cảng cạn, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng